

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010)

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1. Thành lập Doanh Nghiệp:

Công ty Cổ phần Tasco nguyên là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ năm 1971 với tên gọi là Đội cầu Nam Hà và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông. Cùng với sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như quá trình đổi mới về quản lý các doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ, Công ty có các tên gọi sau:

- + Năm 1976 Công ty Cầu Hà Nam Ninh trên cơ sở sát nhập với Xí nghiệp xây dựng Cầu đường Ninh Bình.

- + Tháng 4/1992 là Công ty Công trình Giao thông Nam Hà.

- + Tháng 1/1997 là Công ty Công trình Giao thông Nam Định.

- + Tháng 11/2000 Công ty tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty cổ phần giao thông cơ sở hạ tầng Nam Định.

- + Ngày 01/01/2002 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thành Công.

- + Ngày 11/11/2003, Công ty sát nhập và trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD).

- + Ngày 15/12/2003 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thành Công.

- + Ngày 26/12/2007 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco, được Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

- + Ngày 26/1/2010, Công ty chuyển tới văn phòng trụ sở chính mới tại Tầng 33, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội (*Thông báo chuyển đổi trụ sở chính và thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 15/TB-TASCO ngày 26/1/2010*)

1.2. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp:

Tháng 11/2000, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của Công ty. Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, từ Doanh Nghiệp Nhà Nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ Phần (Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định).

1.3. Quá trình niêm yết và tăng vốn điều lệ của Doanh Nghiệp:

Tháng 4/2008, 5,5 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Trung Tâm GDCK Hà Nội HASTC với mã cổ phiếu HUT, khẳng định vị thế của TASCO trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Kể từ khi chuyển đổi sở hữu từ Doanh Nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ Phần đến nay, Công ty đã thực hiện 05 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

Bảng 01: Quá trình tăng vốn điều lệ

(Đơn vị: Triệu đồng)

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Khi cổ phần hoá	7.000		
Lần 1 04/2003 (Theo NQ ĐHĐCĐ ngày 11/04/2003)	10.000	3.000	Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu
Lần 2 04/2003 (Theo NQ ĐHĐCĐ thường niên lần 2 ngày 11/04/2003 và NQ ĐHĐCĐ bất thường ngày 02/11/2003)	16.000	6.000	+ Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. + Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.
Lần 3 06/2007 – 08/2007 (Theo NQ ĐHĐCĐ ngày 02/06/2007)	55.000	39.000	Phát hành riêng lẻ: - Phát hành cho cổ đông hiện hữu (**) + Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/01/2007: số lượng 263.458 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng. + Phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 10/05/2007: số lượng 1.586.564 cổ phần, mệnh giá

			10.000 đồng. Phát hành cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP. HCM: 350.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng Phát hành cho đối tác chiến lược: 700.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong công ty và các công ty con: 999.978 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng
Lần 4 12/2009 (Theo NQ ĐHĐCĐBT số 02/2009/NQ- ĐHCD ngày 18/7/2009)	135.000	80.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành 5.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/CP theo tỷ lệ 1:1 + Phát hành 2.225.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược với mức giá 13.500 đồng/CP - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong công ty và các công ty con: Phát hành 275.000 cổ phần cho cán bộ, nhân viên trong công ty với giá phát hành 12.000 đồng/CP
Lần 5 3/2010 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2010/NQ- ĐHCD ngày 31/3/2010)	350.000	215.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành 13.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/CP theo tỷ lệ 1:1 + Phát hành 3.225.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược với mức giá 14.000 đồng/CP + Phát hành 675.000 cổ phần cho cán bộ nhân viên văn phòng công ty với giá phát hành 12.000 đồng/CP - Đấu giá ra bên ngoài: Phát hành 4.100.000 cổ phần với giá bình quân 22.307 đồng/cổ phiếu.

1.4. Các sự kiện khác:

Tính đến nay, Công ty đã có bề dày truyền thống 40 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng. Bằng năng lực và tính chuyên nghiệp cao, Công ty đã tạo lập và xây dựng thương hiệu TASCO trở thành một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản với một số thành tựu tiêu biểu sau:

- + Cờ khen thưởng của Chính phủ, tặng cho TASCO – đơn vị xuất sắc năm 2008
- + Cờ khen thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2004
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2006
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007
- + Siêu cúp Thương hiệu mạnh và Phát triển bền vững
- + Cúp vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải đồng bằng Bắc bộ
- + Cúp “Thánh Gióng” cho doanh nhân tiêu biểu, ông Phạm Quang Dũng, Chủ tịch HĐQT Công ty CP TASCOT

Công ty CP TASCOT

+ Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen ông Phạm Quang Dũng đã có nhiều thành tích góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc

+ Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco là 1 trong 24 doanh nhân tiêu biểu được vinh danh tại giải thưởng E&Y 2011 - giải thưởng danh giá cho các doanh nhân xuất sắc của Việt Nam có quá trình phấn đấu bền bỉ, vượt qua khó khăn để thành lập, xây dựng và phát triển đất nước.

- + Và nhiều giải thưởng giá trị khác

2. Quá trình phát triển:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện); sản xuất điện; đại lý bán điện;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

2.2. Tình hình hoạt động:

Trải qua quá trình hoạt động 40 năm phát triển và trưởng thành, Công ty đã thi công rất nhiều công trình lớn, đặc biệt là các công trình thuộc lĩnh vực giao thông cầu đường, các công trình thủy lợi... Kể từ năm 2009, Công ty đã khẳng định vị thế của mình trên thị trường đầu tư và kinh doanh bất động sản với hàng loạt các dự án đầu tư lớn. Điển hình là các công trình và dự án sau:

Bảng 02A: Một số công trình xây lắp đã và đang thực hiện có giá trị lớn

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

TT	Tên công trình	Giá trị HĐ/Quy mô dự án	Chủ đầu tư	Năm hoàn thành
1	Gói thầu B2-3: Xây dựng 04 cầu Khe Ròng Km112+700 - QL45, Bút (Km23+ 721) và chợ khu (Km 0+176) trên đường tỉnh Xuân Lan - Xuân Vinh tỉnh Thanh Hóa, Bất Di (Km7 + 980 -ĐT12) tỉnh Nam Định	58.14	Ban QLDA 6	6/2012
2	HĐ Mở rộng nâng cấp tỉnh lộ 490C2 (đường 55 cũ) giai đoạn 2	314.53	Ban QLDA Giao Thông Nam Định	12/2012
3	HĐ Công trình: Bờ Bắc Kè Nam Châu Giang	66.86	Ban QLDA Giao thông Hà Nam	12/2012
4	HĐ Công trình: Quốc lộ 39 - Hưng Yên	109.04	Ban QLDA Đầu tư XDCT kế cầu hạ tầng Giao Thông	10/2012
5	HĐ đường Cao tốc Hà Nội - Lào Cai (Gói thầu A1)	38.23	Công ty POSCO E&C	12/2012
6	HĐ thi công xây dựng công trình nâng cấp đường tỉnh 209 Cao Bằng	107,30	Ban QLDA Đầu tư & Xây dựng	9/2013
7	HĐ thi công xây dựng công trình Cầu Phố Nu tỉnh Lào Cai	272.00	Sở Giao thông Vận tải Lào Cai	2014

Bảng 02B: Một số Dự án đầu tư đã ký kết hợp đồng và đang thực hiện

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện đến 31/12/2011	Nguồn vốn
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70.	1.543	304	- 15% vốn tự có - 70% vốn vay VDB. - 15% vốn vay NHTM
2	Dự án BOT Cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ Cầu La Uyên đi Cầu Tân Đệ Tỉnh Thái Bình hoàn vốn dự án bằng thu phí giao thông trạm cầu Tân Đệ.	319	306	- 20% vốn tự có - 70% vốn vay VDB - 10% vốn vay BIDV
3	Dự án BOT tuyến đường bộ mới Nam định - Phủ lý đoạn từ thành phố Nam định đến thị trấn Mỹ lộc.	440	361	- 20% vốn tự có - 70% vốn vay VDB - 10% vốn vay BIDV
4	Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 – Khu đô thị mới Xuân Ngọc	6.000	447,7	Vốn đầu tư của Công ty và vốn vay
6	Dự án đầu tư thứ phát xây dựng Khu đô thị mới Vân Canh	739	362	Vốn đầu tư của Công ty và vốn vay
7	Dự án khu nhà ở báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng	2.000	8	Vốn đầu tư của Công ty và vốn vay
	TỔNG CỘNG	11.041	1.788,7	

II. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2007-2011**1. Đánh giá hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011****1.1. Công tác tổ chức và hoạt động**

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007 – 2012 có 07 thành viên, gồm:

- Ông Phạm Quang Dũng – Chủ tịch
- Bà Đỗ Kim Định – Phó Chủ tịch
- Bà Nguyễn Thị Thúy – Thành viên, đại diện tập đoàn HUD
- Ông Phạm Văn Lương – Thành viên
- Ông Trần Xuân Lưỡng – Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Đoàn – Thành viên

- Ông Vũ Quang Lâm – Thành viên

Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên 2007 bầu HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012 HĐQT đã kiện toàn bộ máy, xây dựng cơ chế quản lý điều hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành Công ty. Định kỳ hàng quý tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh, đầu tư, chiến lược phát triển, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm do Đại hội cổ đông giao.

1.2. Tình hình thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên và các quyết sách lớn của HĐQT trong nhiệm kỳ

1.2.1. Công tác giám sát và kết quả hoạt động kinh doanh

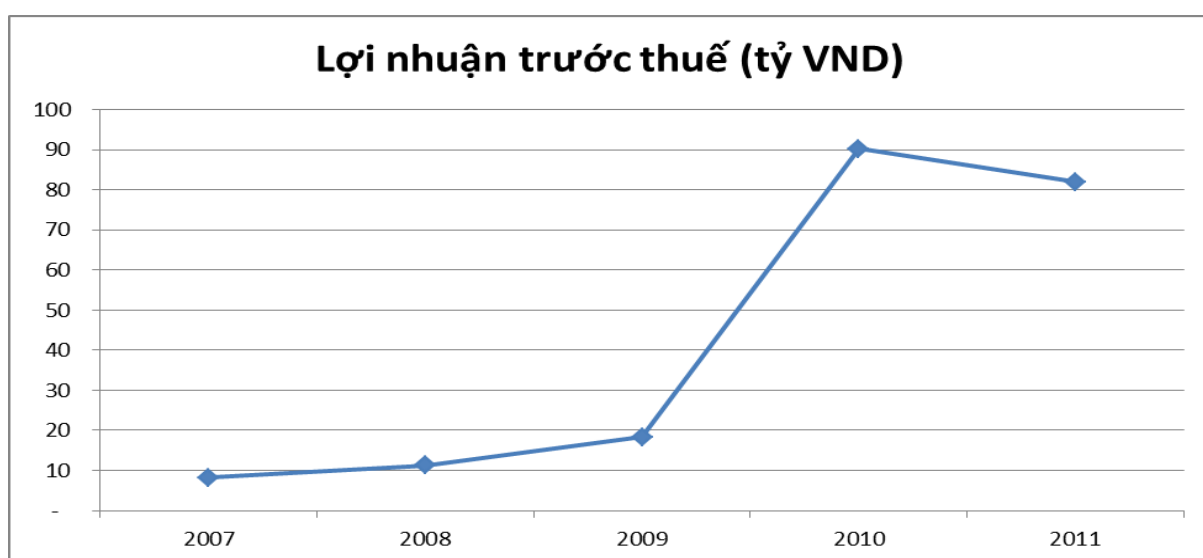
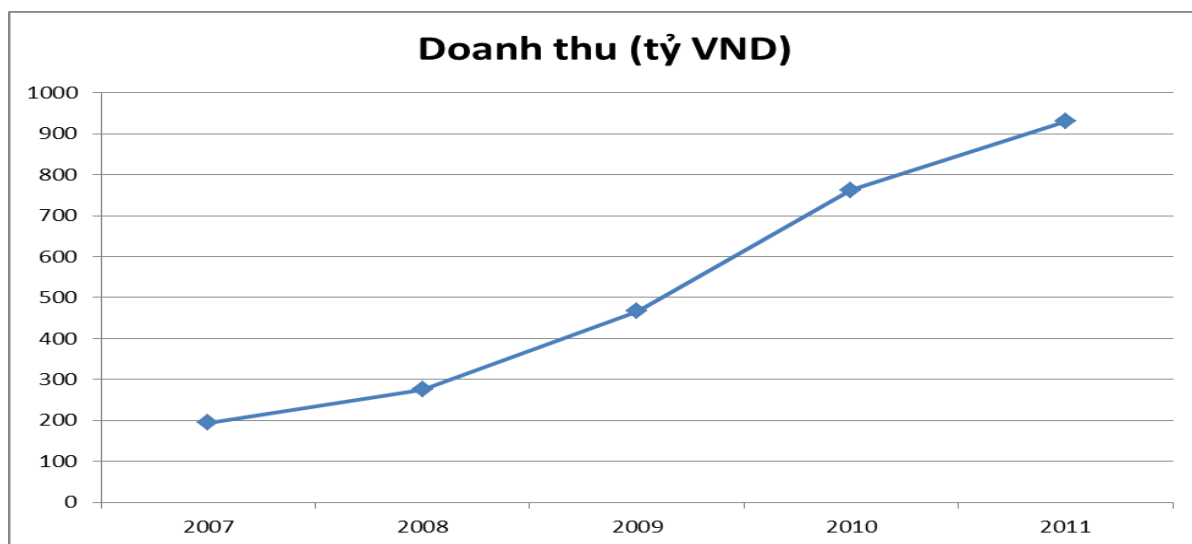
Trong nhiệm kỳ 2007 – 2012, Ban Tổng Giám đốc đã có nỗ lực rất lớn trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao hàng năm.

- Đối với lĩnh vực thầu xây dựng: Năng lực và uy tín của Công ty trong lĩnh vực thầu xây dựng ngày càng tăng, giữ vững được thương hiệu và chất lượng các công trình đã được các chủ đầu tư đánh giá cao, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình như: Đường 490C, Quốc lộ 39B, Tỉnh lộ 51B, Đường Nguyễn Cơ Thạch, Đường Trần Hữu Dực, cầu Phù Vân, cầu Cửa Nhượng....tạo nên thương hiệu uy tín của Công ty trong lĩnh vực Hạ tầng giao thông.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầu tư các dự án phù hợp với điều kiện chung của thị trường bất động sản, dần từng bước xây dựng thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực này thông qua các dự án: Khu đô thị Vân Canh, Khu đô thị Xuân Phương....

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ năm năm 2007 – 2012 có tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định. HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, quyết định của HĐQT, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh để gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

Chỉ tiêu	Năm 2007			Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
	KH	TH	Đạt	KH	TH	Đạt	KH	TH	Đạt	KH	TH	Đạt	KH	TH	Đạt
Doanh thu	235	196	83%	320	275	85%	400	465	116%	830	751	90%	1150	968	84%
Lợi nhuận TT	7	8.22	117%	18	11.2	62%	13	18	138%	99	90	91%	180	83	46%
Cổ tức	15%	10%	90%	12%	12%	100%	12%	12%	100%	25%	25%	100%	18%	12%	67%



Đánh giá chung, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện cơ bản tốt các chỉ tiêu, các quy định, nghị quyết do Đại hội cổ đông và HĐQT ban hành. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc vẫn còn bộc lộ một số tồn tại như: hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao như kỳ vọng của cổ đông, chưa tận dụng được các chu kỳ kinh doanh trong hoạt động kinh doanh bất động sản, một số công việc triển khai còn chậm....

1.2.2. Công tác tài chính

Với chiến lược kinh doanh chuyển dần sang lĩnh vực bất động sản, một lĩnh vực có cơ hội đem lại lợi nhuận lớn nhưng đòi hỏi vốn đầu tư nhiều. HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo việc triển khai các biện pháp khác nhau và đã đạt được nhiều thành công trong công tác huy động vốn, cân đối tình hình tài chính Công ty, cụ thể:

- Năm 2008: Niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tạo điều kiện tham gia thị trường vốn cao cấp.
- Năm 2009: Huy động tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên 135 tỷ đồng.
- Năm 2010: Huy động tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng và phát hành 200 tỷ đồng Trái phiếu chuyển đổi.

- Năm 2011: Huy động vốn trái phiếu chuyển đổi trị giá 175 tỷ đồng.

Cùng với các nguồn vốn khác, nguồn vốn trên đã được đưa vào đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, tăng năng lực tài chính và tái cấu trúc tài chính Công ty, đến nay đã đem lại các kết quả tích cực, giảm dần tỷ lệ đòn bẩy tài chính, tăng khả năng sinh lợi.

1.2.3. Công tác xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh và tái cấu trúc doanh nghiệp

Qua thực trạng kết quả đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết chưa cao, HĐQT đã liên tục xem xét và ra các Nghị quyết tập trung vào công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Đối với Công ty mẹ: HĐQT đã thuê các đơn vị tư vấn nhằm thực hiện: xây dựng chiến lược kinh doanh và tái cơ cấu lại tổ chức bộ máy nhằm phù hợp với điều kiện và chiến lược kinh doanh của Công ty trong giai đoạn mới.

- Đối với các Công ty thành viên: HĐQT đã quyết định thu gọn lại số Công ty con, Công ty liên kết theo hướng: tăng cường đầu tư cho các Công ty con có năng lực, có ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển và hỗ trợ các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty; giảm đầu tư và thoái vốn tại các đơn vị có kết quả kinh doanh kém hoặc không nằm trong chuỗi giá trị của Công ty.

1.2.4. Công tác đầu tư

Công tác đầu tư được coi là trọng điểm trong nhiệm kỳ 2007 – 2012 của HĐQT. Do công tác tổ chức tốt, quản lý chặt chẽ và điều hành quyết liệt nên Công ty đã có được lợi thế trong việc đầu tư các dự án kinh doanh bất động sản, đã tạo được hình ảnh và thương hiệu của Công ty trên địa bàn Miền Bắc, đặc biệt là thành phố Hà Nội. Các dự án của Công ty đang trong quá trình triển khai:

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến khu đô thị mới Xuân Phương (Đường Trần Hữu Dực).
- Dự án BOT Cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ Cầu La Uyên đi Cầu Tân Đệ, Tỉnh Thái Bình.
- Dự án BOT tuyến đường bộ mới Nam Định - Phủ Lý đoạn từ thành phố Nam định đến thị trấn Mỹ lộc.
- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Phủ Lý - Mỹ Lộc theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao.
- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ thị trấn Thanh Nê đến thị trấn Diêm Điền, tỉnh Thái Bình theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao.
- Dự án Đơn vị ở 2+3 thuộc khu đô thị mới Xuân Phương (Xuân Ngọc), huyện Từ Liêm, Tp.Hà Nội. Diện tích : 38 ha.
- Dự án đầu tư thứ phát xây dựng 4ha khu đô thị mới Văn Canh, Từ Liêm, Hà nội.
- Dự án khu nhà ở báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng – Hà nội: diện tích 5ha,

- Dự án xây dựng tòa Nhà hỗn hợp Văn phòng, chung cư SouthBuilding, Pháp Vân – Hà nội, diện tích 2000 m2.

Bất chấp đà tăng trưởng của nền kinh tế, Công ty đã đầu tư và triển khai nhiều dự án lớn, có tiềm năng lợi nhuận cao cho cổ đông. Tuy nhiên, sự thay đổi bất ngờ và dài hạn của các chính sách tiền tệ, chính sách bất động sản và thị trường đầu ra làm cho nhiều dự định và lợi nhuận lớn từ các dự án của Công ty đến nay bị ảnh hưởng.

1.2.5. Công tác Quản trị doanh nghiệp

Nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, trong năm năm qua, HĐQT đã thực hiện các công việc sau:

- Trong 5 năm qua, HĐQT đã tiến hành 68 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT, thông qua 155 nội dung nhằm kịp thời chỉ đạo sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định tạo hành lang pháp lý phục vụ công tác quản trị Công ty như: Quy định về tài chính và chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua – khen thưởng, Quy định về kiểm soát nội bộ...

- Thực hiện thay đổi bộ máy tổ chức của các Phòng/ban Công ty, phân định trách nhiệm, nghĩa vụ rõ ràng, sắp xếp logic và hợp lý với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Việc quản lý người đại diện vốn tại các doanh nghiệp khác cũng được chú trọng và thay đổi theo từng giai đoạn đáp ứng nhiệm vụ đầu tư và hoạt động cốt lõi của Công ty.

- Minh bạch, thông tin kịp thời đến các cổ đông Công ty và các nhà đầu tư. Giải đáp các thắc mắc của các cổ đông kịp thời, thỏa đáng phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình kinh doanh của Công ty.

- Quan tâm xứng đáng với vốn con người và vốn văn hóa của tổ chức, coi đó là nền tảng trong các thành công của Công ty.

1.2.6. Công tác quản trị thương hiệu

HĐQT đã tập trung công tác xây dựng và phát triển thương hiệu TASCO, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn Hà Nội. Tuy nhiên, do thương hiệu TASCO gần giống với thương hiệu ITASCO của Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam đã được bảo hộ trước, HĐQT đã quyết định phát triển thương hiệu Công ty và thương hiệu các sản phẩm bất động sản theo tên mới: TARIC (viết tắt từ TASCO Real Estate Infrastructure and Construction) nhằm đem lại diện mạo mới, tầm cao mới của Công ty.

2. Những tồn tại trong nhiệm kỳ 2007 - 2012

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ vừa qua còn có một số tồn tại hoặc đang thực hiện dở dang sau:

- Do diễn biến của thị trường trong giai đoạn 2007 – 2011 diễn biến quá nhanh, do đó công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa lường hết được được các biến động của thị trường. Công ty chưa hoàn thiện được hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro tài chính trong toàn hệ thống. Chính sách tài chính vĩ mô làm cho chênh lệch lớn giữa khối lượng công việc, dự án đang triển khai và khả năng tài chính của Công ty.

- Hệ thống quản trị đã có cải tiến liên tục tuy nhiên vẫn chưa hoàn thiện dẫn đến bộc lộ một số yếu kém trong hệ thống báo cáo quản lý, điều hành Công ty.
- Trong nhiệm kỳ, Công ty tập trung sức lực và trí tuệ trong công tác tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới, chạy theo tăng trưởng nhanh và liên tục dẫn đến quá tải và lỗi trong công tác quản lý và quản trị công ty. Cơ cấu và tổ chức bộ máy không theo kịp đà tăng trưởng của Công ty, nên dẫn đến trì trệ, giảm hiệu quả chung, chưa xây dựng được hệ thống quy chế chuyên nghiệp, phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty.
- Mặc dù HĐQT đã nhận thức rất sớm tầm quan trọng và hiệu quả của việc vận dụng các giải pháp quản trị doanh nghiệp hiện đại do các tổ chức chuyên nghiệp tư vấn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa hoàn thành, chưa nâng cao mạnh được năng suất lao động của toàn Công ty.

3. Định hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2012 -2017

Tình hình kinh tế nước ta đã có những tín hiệu tích cực từ cuối năm 2011. Chính phủ quyết tâm thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, cơ cấu lại nền kinh tế trên một số lĩnh vực: (1)Hệ thống tài chính (Ngân hàng và thị trường chứng khoán), (2)tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công và (3) tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước.

Thuận lợi

- Là doanh nghiệp có uy tín trên thị trường thầu xây dựng. Sản phẩm thầu xây dựng đã có thương hiệu ở thị trường trong nước, đặc biệt là khu vực Miền Bắc.
- Hệ thống các nhà thầu phụ liên kết, đáp ứng được các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nguồn nhân lực trẻ và năng động, thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ có thể đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.
- Khả năng phát triển quỹ đất dự án và năng lực triển khai thủ tục đầu tư tốt. Nhu cầu nhà đất đối với người dân còn tăng trong giai đoạn tới.
- Tình hình tài chính tương đối ổn định thể hiện qua quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản. Có uy tín đối với các tổ chức ngân hàng.

Khó khăn

- Chính sách thận trọng và chặt chẽ của Chính phủ vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến các hoạt động trong ngành xây dựng, chi phí lãi vay cao, nguồn tín dụng thắt chặt, các công trình có vốn đầu tư của Nhà nước giảm mạnh, ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp xây dựng, thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn, có nhiều thêm sản phẩm bất động sản sẽ được cung cấp trong giai đoạn này.
- Áp lực về cân đối các nguồn vốn phục vụ phát triển các dự án ngày càng gia tăng, đặc biệt cho các dự án đầu tư dài hạn.

Trên cơ sở đó, HĐQT quyết định những định hướng chiến lược của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

1. Tầm nhìn

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến

2. **Sứ mệnh**

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị và hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên và phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội

3. **Giá trị cốt lõi**

- 3.1. **Cam kết:** Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích cổ đông, khách hàng, đối tác, công sự, cộng đồng địa phương và môi trường.
- 3.2. **Hợp tác:** Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.
- 3.3. **Tôn trọng:** TASCO luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.
- 3.4. **Sáng tạo:** Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.
- 3.5. **Học tập:** Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

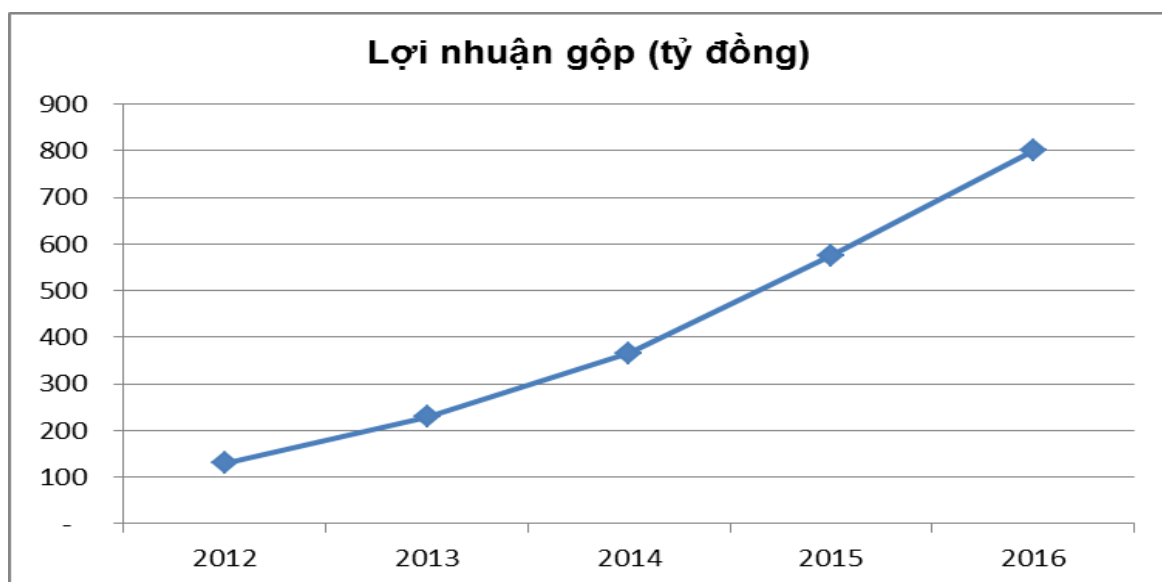
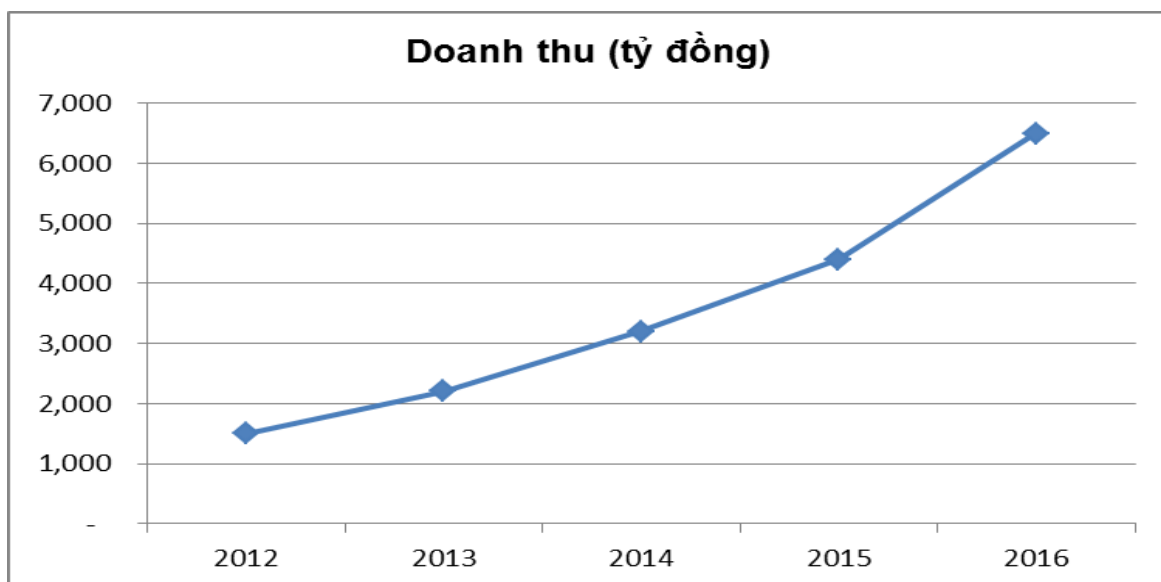
4. **Chiến lược để đạt được mục tiêu**

- 4.1. Chiến lược phát triển sản phẩm BĐS: **Vốn + Thương hiệu + Quản trị.**
- 4.2. Chiến lược về vốn là giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa: **Cổ đông + khách hàng + nhà quản trị**
- 4.3. Chiến lược thương hiệu sản phẩm BĐS bằng: **Quy hoạch + Quản lý dịch vụ + Thời gian giao hàng.**
- 4.4. Chiến lược quản trị là: **Tính minh bạch** và các nhà quản trị phải là các nhà quản trị **chuyên nghiệp**
- 4.5. Chiến lược sản phẩm thầu xây dựng: **Thương hiệu + Quản trị.**
- 4.6. Chiến lược cạnh tranh: **chi phí thấp.**
- 4.7. Chiến lược phát triển bền vững dựa trên vốn doanh nghiệp (**Thông tin + Con người + Văn hóa tổ chức.**)

5. **Mục tiêu cơ bản**

5.1 **Tài chính**

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016	Tăng trưởng hàng năm
1. Doanh thu (tỷ)	1.500	2.200	3.200	4.400	6.500	50%
2. Cổ tức (%)	15%	20%	30%	30%	35%	5%
3. Lợi nhuận gộp (tỷ)	130	230	405	575	800	58%
4. Vốn điều lệ (tỷ)	700	700	1.000	1.000	1.500	28%



5.2 Khách hàng

- Phát triển thương hiệu Tasco tại thị trường mục tiêu: Độ nhận biết 65% và thương hiệu đạt độ nhận biết cấp 2 (không nhắc mà nhớ) vào năm 2015.
- Sự hài lòng, thỏa mãn cho khách hàng: Tỷ lệ khiếu nại <3%, giải quyết khiếu nại ngay trong lần đầu tiên và thời gian không quá 24h kể từ khi nhận được yêu cầu.

5.3 Quy trình Nội bộ

- Kiểm soát giá vốn: Tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm đạt 5% giá thành chuẩn của sản phẩm bất động sản.
- Định mức tồn kho sản phẩm: Sản phẩm BĐS bằng 3% và Sản phẩm thầu xây dựng bằng 5%.
- Hệ thống quản lý chất lượng: Ứng dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM năm 2013.

5.4 Học hỏi & phát triển:

- Hệ thống quản trị nguồn nhân lực: Vận hành thành công hệ thống quản trị nhân sự (đánh giá khách quan kết quả công việc tại các vị trí) vào tháng 6/2013.
- Văn hóa doanh nghiệp: Năm 2013 hoàn thành việc xây dựng và đào tạo bộ VHDN trong hệ thống Tasco. Đến 2015: Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi được thấm nhuần đến CBNV, các Quy chế - Quy trình được duy trì thực hiện tự giác, trở thành văn hóa Công ty.

6. Biện pháp để thực hiện mục tiêu :

6.1. Đối với sản phẩm bất động sản

- Đẩy mạnh việc phát triển các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở độc lập nhằm gia tăng tỷ trọng đất dự án làm tiền đề thâm nhập sâu hơn vào thị trường nhà ở.
- Tăng cường các hoạt động Marketing để phát triển và nâng cao thương hiệu sản phẩm nhằm gia tăng độ nhận biết và sức mua của khách hàng.
- Ứng dụng các vật liệu thay thế phù hợp (vật liệu tiết kiệm năng lượng) để gia tăng độ tin cậy cho sản phẩm nhằm gia tăng giá trị sử dụng cho khách hàng.
- Liên doanh, liên kết, hợp tác chiến lược với các đối tác là các đơn vị là nguồn cung ứng đầu vào như: Quy hoạch, thiết kế, thi công, giám sát, tư vấn quản lý dự án...và đơn vị tư vấn pháp lý trong lĩnh vực BĐS.
- Các công ty con và công ty liên kết: Tạo điều kiện cho các công ty liên kết tham gia vào chuỗi giá trị với vai trò là nhà cung ứng sản phẩm dịch vụ cho Tasco, tạo điều kiện cho các công ty con có thêm năng lực cạnh tranh và thương hiệu của các đơn vị trên thị trường.

6.2. Đối với hoạt sản phẩm thầu xây dựng

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp với mô hình quản lý chung của công ty. Xây dựng áp dụng các mô hình quản lý hiện đại nhằm nâng cao năng suất công việc.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng đối với các khách hàng sử dụng vốn NSNN (truyền thống và các khách hàng mới) tăng thị phần của sản phẩm.
- Tiến hành tìm kiếm & nghiên cứu để liên doanh, liên kết với các đơn vị (trong và ngoài nước) có năng lực và uy tín trên thị trường để cùng tham gia đấu thầu các công trình có giá trị lớn hoặc các công trình có yếu tố nước ngoài. Nâng cao năng lực tham gia các gói thầu quốc tế, đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng đối với các khách hàng sử dụng nguồn vốn tư nhân.
- Hỗ trợ các công ty con của Tasco để có thể đủ năng lực cạnh tranh, đủ khả năng tự thực hiện đấu thầu quốc tế.

6.3. Quản trị chiến lược và định hướng phát triển

Duy trì việc kiểm soát chặt chẽ các Công ty do TASCO nắm cổ phần chi phối để đảm bảo các định hướng chiến lược kinh doanh của toàn hệ thống được tuân thủ, không có đơn vị nào hoạt động ngoài lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty, phân định rõ trong chiến lược của Công ty mẹ với các Công ty con.

6.4. Hoạt động tài chính

Quản lý chặt chẽ vốn, hỗ trợ vốn để các Công ty con, công ty liên kết nhằm có đủ năng lực tham gia các dự án lớn; kiểm soát tình hình hoạt động kinh tế, tài chính tại

các đơn vị có vốn góp chi phối đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và theo đúng định hướng của Công ty, hạn chế các rủi ro ảnh hưởng đến kết quả chung của Công ty.

6.5. Quản lý thương hiệu và các hoạt động khác

- Thương hiệu và quan hệ công chúng: Thống nhất một thương hiệu và quản lý tập trung. Công ty hướng các hoạt động quan hệ công chúng theo hướng truyền thông chiến lược tới cổ đông và khách hàng “*Sự thỏa mãn của khách hàng và cổ đông là thành công của Taric*”
- Nhân sự: Quản lý, sắp xếp và điều phối hợp lý nguồn nhân lực trong toàn hệ thống. Xây dựng chính sách đãi ngộ xứng đáng và phù hợp với thị trường; phát triển công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ gắn liền với chức danh công việc.
- Quan hệ cổ đông: Các hoạt động của Công ty hướng đến các mục tiêu chính là: gia tăng giá trị cho cổ đông, minh bạch và quan hệ tương tác hai chiều giữa Công ty và các cổ đông.

III. Báo cáo của Ban Giám Đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính 5 năm 2007-2011:

1.1. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, cơ cấu nguồn vốn:

Bảng 03: Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, cơ cấu nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2007	Số cuối năm 2008	Số cuối năm 2009	Số cuối năm 2010	Số cuối năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,27	1,24	1,06	1,02	1,48
- Hệ số khả năng thanh toán tức thời (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	0,20	0,25	0,26	0,07	0,15
2. Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn					
- Hệ số nợ (Tổng nợ/ Tổng nguồn vốn)	0,69	0,78	0,86	0,82	0,83
- Hệ số VCSH (VCSH/ Tổng nguồn vốn)	0,31	0,22	0,14	0,18	0,17
- Hệ số đảm bảo nợ (Tổng VCSH/ Tổng nợ phải trả)	0,45	0,28	0,16	0,22	0,20
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
- Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	3,8%	3,0%	3,3%	9,9%	7,1%
- Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	17,8 %	12,8 %	13,9 %	23,5 %	13,2 %
- Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng TS bình quân (%)	4,2%	3,3%	2,1%	3,9%	2,3%

1.2. Các chỉ tiêu phản ánh biến động tài sản, nguồn vốn

Bảng 04: Bảng biến động tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	CN 2007	CN 2008	CN 2009	CN 2010	CN 2011
Tổng tài sản	203	304	1.139	2.655	2.998
Tài sản ngắn hạn	172	251	617	1.104	952
Tài sản dài hạn	31	53	522	1.551	2.046
Tổng nguồn vốn	203	304	1.139	2.655	2.998
Nợ phải trả	140	237	983	2.181	2.489
Nguồn vốn CSH	63	67	155	473	509

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp

Bảng 05: Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp trong năm 2011

(Đơn vị tính: VND)

T T	Chỉ tiêu	1/1/2011	31/12/2011	Cuối năm so với đầu năm	
				Số tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	349.976.000.000	349.976.000.000	0	0
2	Thặng dư vốn cổ phần	72.292.032.987	72.257.032.987	(35.000.000)	(0,04%)

1.4. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Bảng 06A: Số cổ phiếu đang lưu hành vào ngày 31/12/2011

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng CP lưu hành
1	Cổ phiếu thường	34.997.600
2	Cổ phiếu ưu đãi	-
	Tổng cộng	34.997.600

Bảng 06B: Số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 31/12/2011

STT	Loại trái phiếu	Số lượng CP lưu hành
1	Trái phiếu có thể chuyển đổi	175.005
2	Trái phiếu không thể chuyển đổi	-
	Tổng cộng	175.005

1.5. Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn năm 2011: dự kiến 12%/năm.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2007-2011**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	N 2007	N 2008	N 2009	N 2010	N 2011
DT	196	275	465	751	968
LNTT	8,22	11,2	18	90	83

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2010	NĂM 2011			So với năm 2010
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Doanh thu bán hàng	751	1.150	968	84%	128%
2	Lợi nhuận trước thuế	90	180	83	46%	92%
3	Tỷ lệ trả cổ tức	25%	18%	Dự kiến 12%	67%	48%

✚ Một số nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động:

- Trong năm 2011 vừa qua, tình hình thị trường và kinh tế vĩ mô khủng hoảng ảnh hưởng đến tiến độ bán hàng nên mặc dù chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng/tổng doanh thu có giảm nhưng trượt giá nguyên vật liệu đầu vào và lãi suất tiền vay tăng cao làm cho giá vốn của sản phẩm tăng tăng lên dẫn đến tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu giảm từ 10% năm 2010 xuống còn 6,72% trong năm 2011;
- Các chính sách của nhà nước thay đổi như nghị quyết 11 của Chính phủ thắt chặt nguồn vốn phân bổ cho các công trình/dự án làm ảnh hưởng trầm trọng đến tiến độ thi công và thanh toán vốn hay Quy hoạch chung của Thành phố Hà nội bị thay đổi làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư của Công ty.

1. Công tác triển khai các dự án đầu tư chủ yếu trong năm 2011**2.1 Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70).**

- Cơ bản đã GPMB xong đoạn từ đầu tuyến đến cầu vượt đường sắt.
- Đã thi công hoàn thành 700m đầu tuyến (từ đường Lê Đức Thọ đến sông Nhuệ). Cầu vượt sông Nhuệ: Đã thi công hoàn thành công tác lao lắp dầm được 2/3 nhịp. Đang thi công nền đường đoạn từ cầu sông Nhuệ đến cầu vượt đường sắt.
- Giá trị thực hiện đến hết 2011 đạt 299 tỷ đồng.

2.2 Dự án BOT Cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ Cầu La Uyên đi Cầu Tân Đệ, Tỉnh Thái Bình hoàn vốn dự án bằng thu phí giao thông trạm cầu Tân Đệ:

- Đã thi công hoàn thành, đưa vào sử dụng đoạn 4,1Km từ cầu La Uyên đến cầu Nhất.
 - Giá trị thực hiện đến hết 2011 là 230 tỷ đồng.
- 2.3 Dự án BOT tuyến đường bộ mới Nam Định - Phủ Lý đoạn từ thành phố Nam định đến thị trấn Mỹ Lộc hoàn vốn bằng trạm thu phí Mỹ Lộc:**
- Đã giải phóng mặt bằng xong toàn bộ dự án.
 - Thi công xong toàn bộ phần 2 cầu Ốc và Thôn Thịnh; Phần đường đã thi công cơ bản xong đến lớp BTN hạt trung toàn tuyến (trừ đoạn 250m khu vực chợ Hầm đang gia tải).
 - Giá trị thực hiện đến hết 2011 là 287 tỷ đồng
- 2.4 Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy:**
- Đã giải phóng mặt bằng được khoảng 70% diện tích của dự án.
 - Đã thi công hoàn thành xong 5/7 cầu; Phần đường đã thi công xong cơ bản nền đường của 13km ; Thi công hệ thống thoát nước đạt 40%.
 - Giá trị thực hiện đến hết 2011 đạt 459 tỷ đồng.
- 2.5 Dự án Đơn vị ở 2+3 thuộc khu đô thị mới Xuân Phương (Xuân Ngọc), huyện Từ Liêm, Tp.Hà Nội.**
- (Dự án đã phê duyệt Quy hoạch 1/500. Tuy nhiên do nằm trong vành đai xanh sông Nhuệ nên dự án phải điều chỉnh lại quy hoạch 1/500 theo hướng thấp tầng)*
- Đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết điều chỉnh 1/500, đang thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết /500 điều chỉnh.
 - Đã giải phóng mặt bằng xong được 36/38ha. Đã cơ bản hoàn thành công tác san nền, tường chắn, hàng rào của dự án
 - Giá trị thực hiện đến hết 2011 đạt 425,4 tỷ đồng
- 2.6 Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn Phủ Lý (tỉnh Hà Nam) đến thị trấn Mỹ Lộc (tỉnh Nam Định)**
- Đã thực hiện GPMB xong 100% đất nông nghiệp trên toàn tuyến.
 - Phần đường: Đã thi công cơ bản hoàn thành phần nền, móng đường của 21/21 km đạt 80% khối lượng.
 - Phần cầu : Đang thi công 4/6 cầu trên tuyến đạt khoảng 20%.
 - Giá trị thực hiện đến hết 2011 khoảng 550 tỷ đồng.
- 2.7 Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Vân Canh:**
- Cơ bản thi công hoàn thiện xong 38 căn LK26.
 - Đã thi công xong đến hết sàn tầng 1 của 98 căn LK22. Đang tổ chức thi công tầng 2,3 của khu LK22.
 - Tổng giá trị thực hiện đến 31/12/2011 là 482 tỷ đồng.
- 2.8 Dự án khu nhà ở báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng:**
- Đang triển khai các thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.
 - Đã có quyết định thu hồi đất và giải phóng xong mặt bằng.
 - Giá trị thực hiện đến hết 2011 là 8,7 tỷ đồng
- 2.9 Dự án Pháp Vân:**

- Đã thi công xong toàn bộ phần cọc và tường Barret phục vụ thi công hầm.
- Giá trị thực hiện đến hết 2011 đạt 32 tỷ đồng

2. Công tác quản lý điều hành:

Trong năm 2011, song song với việc phát triển thị trường, Ban Tổng giám đốc cũng tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý của Công ty cụ thể như:

- Đối với hệ thống quy trình nội bộ:

+ Tháng 9/2011, Công ty đã bắt đầu áp dụng và duy trì Hệ thống báo cáo quản trị trong toàn công ty nhằm quản lý thông tin và tăng cường sự gắn kết giữa các Phòng - Ban.

+ Trong năm vừa qua, việc xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận đã tiến hành theo từng tháng bước đầu đã kiểm soát được tiến độ của một số công việc trọng yếu. Đặc biệt kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền được rà soát thường xuyên nên mặc dù tình hình kinh tế khó khăn chung nhưng Công ty vẫn đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD.

- Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực:

Tháng 10/2011, Công ty đã ký Hợp đồng tư vấn tái cấu trúc Nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị và phục vụ cho hệ thống quản trị điều hành. Với công cụ Thẻ điểm cân bằng đã được 500 doanh nghiệp hàng đầu Thế giới áp dụng nên bước đầu đã đem lại kết quả với cơ cấu tổ chức rõ ràng, hiệu quả của Công ty được ban hành.

- Đối với công tác áp dụng công nghệ thông tin và phát triển thương hiệu

+ Trong năm 2011, Công ty đã ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử Outlook; Phần mềm kế toán mới vào quá trình quản trị nhằm tiết kiệm chi phí đồng thời cũng đảm bảo thông tin được truyền tải nhanh nhất từ lãnh đạo đến các bộ phận trong Công ty.

+ Việc công bố thông tin theo quy định UBCKNN cũng đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đánh giá cao. Bên cạnh đó, công tác quản lý, phát triển thương hiệu cũng được Công ty đặc biệt chú ý: Với việc giới thiệu thương hiệu mới TARIC và tổ chức thành công lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty.

IV. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần TASCO

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		951.557.105.103	1.103.563.764.613
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	97.397.504.575	79.918.871.489
1. Tiền	111		15.797.504.575	28.615.371.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.600.000.000	51.303.500.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.048.599.751	83.017.324.103
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	37.048.599.751	83.017.324.103
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		579.220.706.194	699.173.659.443
1. Phải thu khách hàng	131		277.888.860.846	331.814.333.825
2. Trả trước cho người bán	132		288.335.919.561	343.994.056.075
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	13.816.752.503	23.907.283.927
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(820.826.716)	(542.014.384)
IV- Hàng tồn kho	140		111.869.089.952	106.332.310.463
1. Hàng tồn kho	141	5.4	111.869.089.952	106.332.310.463
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		126.021.204.631	135.121.599.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	296.142.711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.506.718.361	75.640.551.197
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà			-	1.124.703.943
3. nước	154	5.5		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	39.514.486.270	58.060.201.264
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.046.462.727.703	1.550.950.695.618
II- Tài sản cố định	220		1.837.500.779.340	1.489.314.590.039
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	28.135.210.777	24.283.207.507
- Nguyên giá	222		42.400.227.377	36.687.179.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.265.016.600)	(12.403.972.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	1.705.694.035	2.204.809.627
- Nguyên giá	225		3.696.827.727	3.696.827.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.991.133.692)	(1.492.018.100)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	755.819.348	288.610.039
- Nguyên giá	228		1.257.326.288	601.639.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(501.506.940)	(313.029.849)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.806.904.055.180	1.462.537.962.866
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		194.638.352.980	59.161.532.980
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	165.058.352.980	40.541.532.980
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	22.740.000.000	11.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	6.840.000.000	7.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.323.595.383	2.474.572.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	14.261.595.383	1.791.457.632
3. Tài sản dài hạn khác	268		62.000.000	683.114.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.998.019.832.806	2.654.514.460.231

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.488.611.841.430	2.181.266.844.864
I- Nợ ngắn hạn	310		642.015.007.893	1.076.954.487.324
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	219.312.895.203	383.809.238.736
2. Phải trả người bán	312		77.878.539.028	30.491.979.857
3. Người mua trả tiền trước	313		167.238.218.106	169.620.662.851
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	2.099.583.326	5.688.403.133
5. Phải trả người lao động	315		2.533.243.689	2.438.381.304
6. Chi phí phải trả	316	5.16	51.874.353.003	33.066.013.540
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			120.887.792.053	450.920.967.698
9. khác	319	5.17		
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		190.383.485	918.840.205
II- Nợ dài hạn	330		1.846.596.833.537	1.104.312.357.540
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	971.594.010.954	420.138.750.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	874.398.136.311	683.303.351.328
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.662.675	184.662.675
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		420.023.597	685.593.537
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		509.407.991.376	473.247.615.367
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	509.407.991.376	473.247.615.367
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.257.032.987	72.292.032.987
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.579.801.777	6.013.460.624
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.192.450.606	2.496.467.914
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		62.402.706.006	42.469.653.842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.998.019.832.806	2.654.514.460.231

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		2.103.739.050	2.103.739.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		420.531.850	459.575.032

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS TM		Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	967.723.223.897	750.646.443.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	48.880.852.018	7.147.234.879
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		918.842.371.879	743.499.208.847
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	810.580.750.788	654.880.553.664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		108.261.621.091	88.618.655.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	23.144.289.344	19.697.965.813
7. Chi phí tài chính	22	5.24	14.981.009.466	8.510.364.111
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.406.009.466</i>	<i>7.685.364.111</i>
8. Chi phí bán hàng	24		7.324.336.968	6.126.206.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.421.787.944	26.966.776.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		80.678.776.057	66.713.273.646
11. Thu nhập khác	31	5.25	4.738.832.824	97.152.611.315
12. Chi phí khác	32	5.25	2.687.782.123	73.636.079.175
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	2.051.050.701	23.516.532.140
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		82.729.826.758	90.229.805.786
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	17.675.120.752	16.310.151.943
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		65.054.706.006	73.919.653.843
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.859	3.778

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.729.826.758	90.229.805.786
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.903.893.496	4.008.649.675
- Các khoản dự phòng	03	(278.812.332)	(34.543.210)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.095.713.065)	(44.285.153.973)
- Chi phí lãi vay	06	14.406.009.466	7.685.364.111
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	92.665.204.323	57.604.122.389
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	64.436.989.844	(422.496.611.236)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.536.779.489)	(19.520.133.540)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	286.276.716.482	655.282.309.844
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.173.995.040)	301.309.885
- Tiền lãi vay đã trả	13	(14.406.009.466)	(7.685.364.111)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.476.825.398)	(13.644.508.720)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.581.886.840)	(7.045.884.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	383.203.414.416	242.795.240.155
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(353.469.674.072)	(1.031.176.743.341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.046.361.363	8.091.101.948
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.244.567.048)	(56.767.324.103)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	71.213.291.400	10.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(71.435.417.154)	(25.603.532.980)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.330.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.451.679.344	19.637.742.671
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(356.438.326.167)	(1.080.478.755.805)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.930.532.987
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	659.230.749.808	1.176.697.938.313
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(637.958.929.787)	(663.418.289.743)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7.235.650.489)	(1.519.112.330)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.322.624.695)	(27.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.286.455.163)	763.691.069.227
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	17.478.633.086	(73.992.446.423)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.918.871.489	153.911.317.912
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	97.397.504.575	79.918.871.489

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

2 Báo cáo tài chính hợp nhất công ty CP TASCO

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.936.790.426.443	1.504.725.283.346
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	154.520.948.747	125.196.917.663
1. Tiền	111		21.316.948.747	60.998.417.663
2. Các khoản tương đương tiền	112		133.204.000.000	64.198.500.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	45.797.649.751	68.214.032.703
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46.024.490.521	68.214.032.703
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(226.840.770)	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.376.931.743.533	983.581.001.342
1. Phải thu khách hàng	131		746.956.418.143	275.098.755.657
2. Trả trước cho người bán	132		610.689.758.280	638.733.407.755
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	20.106.393.826	70.290.852.314
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(820.826.716)	(542.014.384)
IV- Hàng tồn kho	140		212.049.818.544	169.710.990.294
1. Hàng tồn kho	141	5.4	212.049.818.544	169.710.990.294
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		147.490.265.868	158.022.341.344
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.405.336	297.106.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		99.549.579.026	80.569.755.910
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	-	1.124.703.943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	47.834.281.506	76.030.775.144
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.485.546.158.772	1.673.807.776.138
II- Tài sản cố định	220		2.438.752.763.173	1.650.520.619.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	43.695.703.307	37.365.346.217
- Nguyên giá	222		69.817.043.962	61.347.018.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.121.340.655)	(23.981.672.239)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	8.379.128.825	6.146.963.482
- Nguyên giá	225		12.420.578.835	8.477.245.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.041.450.010)	(2.330.282.427)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	926.304.875	473.813.279
- Nguyên giá	228		1.480.018.488	824.332.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(553.713.613)	(350.518.809)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	2.385.751.626.166	1.606.534.496.562
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.646.462.173	18.406.543.633
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	23.806.462.173	11.226.543.633
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	6.840.000.000	7.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.146.933.426	4.880.612.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	15.807.933.426	4.116.497.998
3. Tài sản dài hạn khác	268		339.000.000	764.114.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.422.336.585.215	3.178.533.059.484

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.842.932.737.860	2.684.479.135.725
I- Nợ ngắn hạn	310		957.859.548.936	1.172.579.090.885
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	265.788.575.146	391.354.176.836
2. Phải trả người bán	312		77.697.118.000	66.709.241.183
3. Người mua trả tiền trước	313		320.837.243.758	169.867.252.147
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	22.950.567.516	7.094.917.100
5. Phải trả người lao động	315		6.760.082.839	3.436.353.588
6. Chi phí phải trả	316	5.16	60.882.280.207	33.097.593.617
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	202.651.211.150	500.044.176.311
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		292.470.320	975.380.103
II- Nợ dài hạn	330		2.885.073.188.924	1.511.900.044.840
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	971.594.010.954	420.138.750.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	1.913.239.163.487	1.090.835.686.820
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		240.014.483	240.014.483
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	685.593.537
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		528.545.024.162	460.531.296.421
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	528.545.024.162	460.531.296.421
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.257.032.987	72.292.032.987
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.182.697.924	6.201.950.511
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.610.011.398	2.579.683.293
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	34.825.326
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.519.281.853	29.446.804.304
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		50.858.823.193	33.522.627.338
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		4.422.336.585.215	3.178.533.059.484

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		2.103.739.050	2.103.739.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý		420.531.850	459.575.032

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhàn

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	1.534.764.254.010	845.209.783.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	48.934.752.428	7.153.941.243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	1.485.829.501.582	838.055.842.337
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	1.319.484.349.941	734.296.701.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		166.345.151.641	103.759.140.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	23.524.365.837	18.264.307.718
7. Chi phí tài chính	22	5.24	21.814.258.338	8.307.841.465
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.663.279.882	7.289.275.220
8. Chi phí bán hàng	24		764.294.942	197.131.024
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.561.069.271	42.769.546.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		121.729.894.927	70.748.929.645
11. Thu nhập khác	31	5.25	4.660.883.194	32.706.291.861
12. Chi phí khác	32	5.25	2.714.242.015	17.187.447.539
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	1.946.641.179	15.518.844.322
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		2.011.212.173	(213.456.367)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		125.687.748.279	86.054.317.600
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	24.822.081.078	18.270.575.513
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		100.865.667.201	67.783.742.087
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		13.668.774.096	908.365.912
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		87.196.893.105	66.875.376.175
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	2.492	3.418

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.687.748.279	86.054.317.600
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.332.618.378	7.214.572.583
- Các khoản dự phòng	03	505.653.102	(32.289.210)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.341.527.663)	(37.113.371.912)
- Chi phí lãi vay	06	20.598.933.914	7.289.275.220
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	149.783.426.010	63.412.504.281
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(383.288.180.058)	(1.210.114.481.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(42.338.828.250)	(169.710.990.294)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	462.020.209.480	1.286.684.492.151
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.563.055.622)	(4.458.422.667)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.663.279.882)	(7.289.275.220)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.226.563.400)	(14.737.543.759)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.464.366.369	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.826.932.690)	(7.045.884.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.361.161.957	(63.259.601.600)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(796.961.542.979)	(1.144.547.083.212)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.935.039.025	8.379.553.344
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(546.641.286.122)	(41.964.032.703)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	537.975.878.304	10.573.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.440.000.000)	(25.603.532.980)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	5.330.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.639.262.234	12.573.086.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(753.992.649.538)	(1.175.259.009.116)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	278.930.532.987
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.643.537.436.578	1.594.072.086.399
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(955.991.566.619)	(646.477.013.121)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(3.270.266.900)	(2.807.161.939)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.320.084.400)	(27.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	659.955.518.665	1.196.718.444.326
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	29.324.031.084	(41.800.166.390)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	125.196.917.663	166.997.084.053
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	154.520.948.747	125.196.917.663

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**1. Kiểm toán độc lập****1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập:**

Công ty Hợp Danh Kiểm Toán Việt Nam (CPA VIETNAM)

(Thành viên đại diện hãng Moore Stephens International Limited)

1.2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của CPA VIETNAM, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.3 Các nhận xét đặc biệt: Không có**2. Kiểm toán nội bộ**

Ý kiến kiểm toán nội bộ: Năm 2011, Phòng Kiểm toán nội bộ đã kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Ban Giám đốc thông qua hình thức chọn mẫu. Về cơ bản các nội dung được kiểm toán đã tuân thủ chế độ chính sách Nhà nước và các quy chế, quy định của Công ty.

VI. Các công ty con và công ty liên quan**1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:****Bảng 07: Các công ty con có trên 50% vốn cổ phần của TASCO:**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

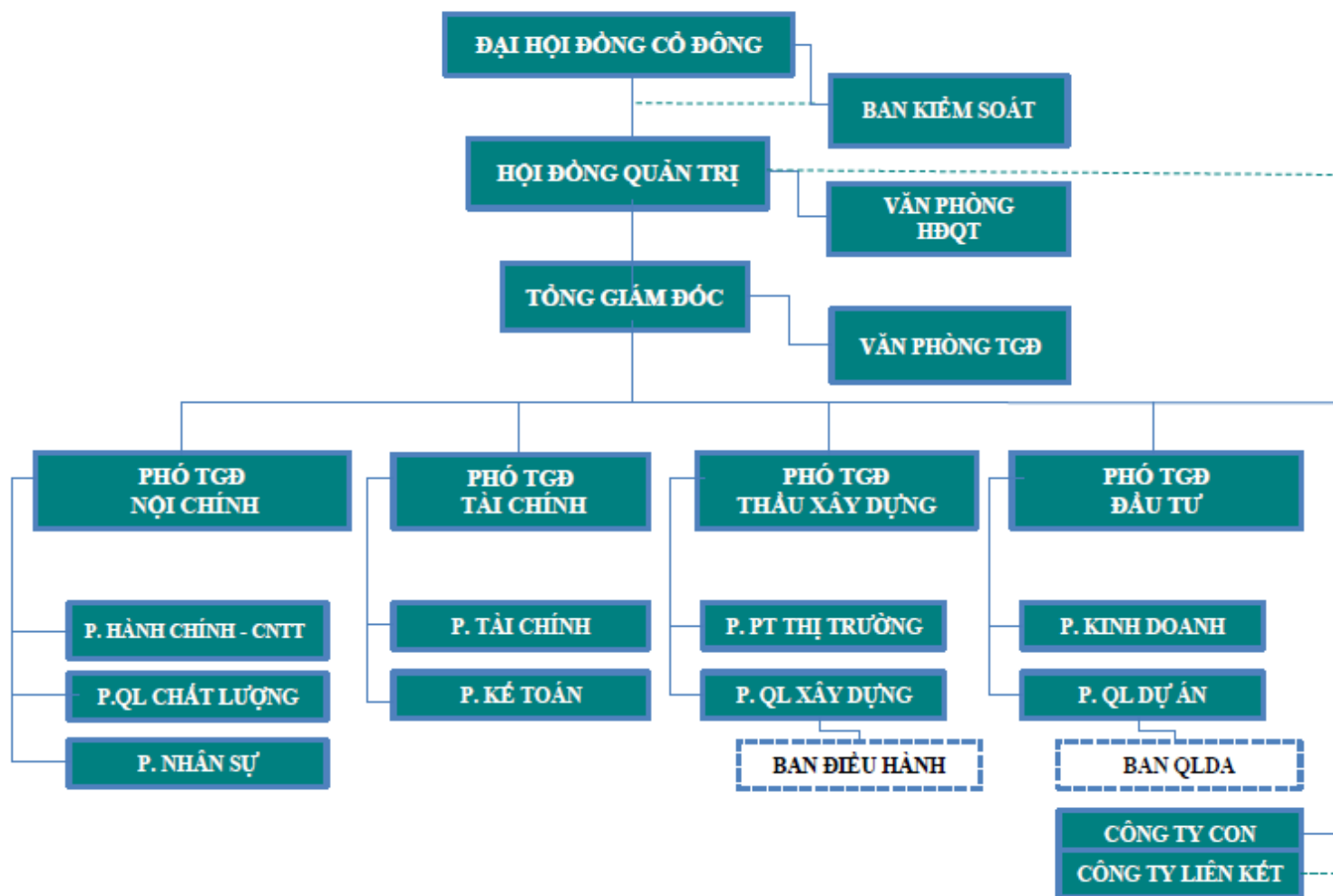
STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2010	TASCO	
			Mức vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	124.041	106.891	86,17 %
2	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	6.000	3.060	51%
3	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	73.350	53.326	72,70%
4	Công ty TNHH một thành viên TASCO6	50	50	100%
	Tổng Cộng	203.441	163.327	

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

Không có

VII. Tổ chức và nhân sự**1. Cơ cấu tổ chức của công ty (xem Sơ Đồ Tổ Chức Công ty CP TASCO trang sau)**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**2.1. Ông Phạm Quang Dũng**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/04/1954

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Phòng - Hải Hậu – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 01302570 cấp ngày 12/12/2007 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: E2103 – TheManor, Mỹ Đình, Sông Đà, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1980- 08/1994	Ban chỉ huy công trường Thủy Lợi – Hải Hậu	Kế toán
08/1994- 06/1997	Công ty xây dựng huyện Hải Hậu – Nam Định	Đội trưởng đội thi công – Phó giám đốc
7/1997-10/1998	Công ty công trình Giao thông Nam Định	Phó Giám đốc
11/1998-12/2000	Công ty công trình Giao thông Nam Định	Giám đốc
T1/2001 đến nay	Công ty Cổ phần Tasco	Chủ tịch HĐQT

2. 2. Bà Đỗ Kim Định

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 01/04/1959

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thôn Ngoại Lãng – xã Song Lãng - huyện Vũ Thư - tỉnh Thái Bình

Chứng minh nhân dân: 162659085 cấp ngày 15/09/2006 tại Nam Định

Địa chỉ thường trú: D34, TT14, khu đô thị mới Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/1981-09/1991	Công ty cầu Nam Hà	Kế toán
10/1991-12/1999	Công ty công trình Giao thông Nam Hà	Phó Kế toán trưởng Kế toán trưởng
01/2000-03/2001	Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thành Công	Kế toán trưởng
03/2001 – đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Phó CT HĐQT

2.3. Ông Phạm Văn Lương

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/09/1957

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Liêm Hải - Ninh Nam - Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162057066

Địa chỉ thường trú: Số nhà 22 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán ngành kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1973 – 1976	Ty Thủy lợi – Hà Nam Ninh	Công nhân kỹ thuật
1977 – 1978	Trường nghiệp vụ I Thủy lợi – Mê Linh – Vĩnh Phúc	Học sinh
1978- 1983	Trường sỹ quan công binh	Học viên
1983-1988	Trường sỹ quan công binh Sông Bé	Giáo viên
1988 – 1997	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	Quản đốc
1997- 1998	Đội khai thác Công ty liên doanh công trình miền Trung	Đội trưởng
1998 – 2002	Đội công trình 14 Công ty công trình giao thông Nam Định	Đội trưởng
2002 – 4/3/2009	Công ty cổ phần (Thành Công) Tasco	Giám đốc điều hành
4/3/2009 đến	Công ty CP TASCO	Tổng Giám Đốc

nay		
-----	--	--

2.4. Ông Trần Xuân Lương

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – Trưởng ban điều hành 490

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/08/1950

Nơi sinh: Lộc Vượng – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Lộc Vượng – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162111068

Địa chỉ thường trú: 36 Trần Thái Tông – P. Thống Nhất – Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1968-1973	Trường ĐH giao thông đường sắt đường bộ Hà Nội	Học sinh
1974-1989	Xí nghiệp liên hiệp cầu Thăng Long	Cán bộ kỹ thuật
1990-1996	Công ty CTGT Nam Hà	Cán bộ phòng kế hoạch
1997-2000	Công ty CTGT Nam Định	Phó giám đốc
2000- 2008	Công ty cổ phần (Thành Công) Tasco	Giám đốc chất lượng
2009 đến nay	Công ty CP Tasco	Trưởng BDH 490 C2, ủy viên HĐQT

2.5. Ông Nguyễn Văn Đoàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/3/1959

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Liêm Phong -Thanh Liêm- Hà Nam

Chứng minh nhân dân: 023324259 cấp ngày 28/7/1995 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 238, Nguyễn Xí, Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

1980-1988	Công ty Xây dựng Thủy lợi 10	Kế toán viên
1988-1989	Công ty Xây dựng 43 - Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4	Kế toán viên
1989-1991	Công ty quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Lâm Đồng	Kế toán trưởng
1992-2006	Tổng Công ty xây dựng số 4	Phó phòng Kế toán
2007- đến nay	Công ty cổ phần (Thành Công) Tasco	Ủy viên HĐQT

2.6. Ông Vũ Quang Lâm

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/08/1975

Nơi sinh: Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162043265 cấp ngày 23/03/2003 tại Nam Định

Địa chỉ thường trú: Phòng 1106, CT5, X2, Bắc Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng giao thông

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997-1999	Tổng công ty xây dựng Sông Đà	
1999-2001	Công ty Samwhan Corporation – Hàn Quốc	
2002- đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên HĐQT - Giám đốc dự án

2.7. Kế toán trưởng: Bà Phạm Thị Nhân

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/02/1962

Nơi sinh: Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định

Chứng minh nhân dân: 160264836 cấp ngày 07/07/1978 tại Nam Định

Địa chỉ thường trú: 118- Giải phóng – Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1983-1985	Xí nghiệp gạch Nam An	Nhân viên kế toán
1985-2007	Công ty XNK thủ công mỹ nghệ tỉnh Nam Định	Kế toán trưởng
5/2007 - nay	Công ty cổ phần Tasco	Kế toán trưởng

3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: Không có

4. Quyền lợi của Ban Giám Đốc (lương, thưởng...):

Lương: Các thành viên trong ban giám đốc được hưởng lương theo chức danh đảm nhiệm, thuộc ngạch lương quản lý cấp cao của Công ty, đảm bảo công bằng và cạnh tranh so với thị trường

Thưởng: Thưởng tương đương với một tháng lương theo mức lương trong Hợp đồng Lao động của tháng 12, thưởng các ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ phép theo quy định của Công ty.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty đến 31/12/2011 là 212 người, trong đó:

- Phân theo trình độ:

+ Trên đại học: 11

+ Đại học: 149

+ Cao đẳng, trung cấp: 15

+ Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 37

- Phân theo chức năng:

+ Lao động gián tiếp: 175

+ Lao động trực tiếp: 37

5.2. Chính sách đối với người lao động:

- Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và Chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: Chính sách thăm quan Du lịch nước ngoài, chính sách thăm quan Du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, giám định sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...

- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; Kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; Thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập, chế độ đường sữa chống nóng...

- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, đội trưởng/ chủ nhiệm công trình và công nhân. Theo nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị, hàng năm công ty sẽ dành từ 0,5 đến 1% doanh thu cho chi phí đào tạo. Điều này chứng tỏ Lãnh đạo công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBCNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của công ty.

6. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng: Không có

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên gồm (01) Chủ tịch, (01) Phó chủ tịch và (05) thành viên.

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm Hội đồng quản trị đã thường xuyên và định kỳ thực hiện việc kiểm tra giám sát Ban giám đốc, Bộ máy giúp việc của công ty

trong hoạt động điều hành, hoạt động tài chính, chấp hành điều lệ Công ty, qui chế, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, chấp hành luật pháp nhà nước. Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ các giao dịch của cổ đông lớn và đặc biệt là các thành viên trong ban lãnh đạo công ty, thông qua việc thực hiện công bố thông tin, đã góp phần nâng cao trách nhiệm của HĐQT trước các cổ đông, tạo điều kiện cho các cổ đông trong việc giám sát HĐQT, qui chế nội bộ được sửa đổi cho phù hợp với điều lệ hoạt động Công ty,

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên (01 trưởng ban và 02 thành viên)
- Ban kiểm soát đại diện cho cổ đông đã thường xuyên giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Ngoài giám sát thường kỳ, Ban Kiểm soát họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm tra tình hình hoạt động tài chính của Công ty, kịp thời có kiến nghị và tham mưu cho HĐQT để chỉ đạo các bộ phận có liên quan khắc phục những sai sót trong công tác tài chính.

1.3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty :

Trong năm Công ty đã mời giảng viên đến Công ty truyền đạt kiến thức về thị trường chứng khoán cho CBCNV, Công ty đã sắp xếp tổ chức lại bộ máy quản lý, tăng cường đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho CBNV, thiết lập website Công ty, công khai thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đang xây dựng các nguyên tắc về Quản trị Công ty theo thông lệ và Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo cho Công ty được định hướng và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

1.4. Thù lao của Hội đồng Quản trị - Ban Kiểm soát năm 2011:

Năm 2011 Công ty thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng NQ đã được Đại hội thông qua ngày 17/4/2011 bằng 1% lợi nhuận sau thuế của năm 2011 tương ứng với số tiền **650.547.000 đồng**.

1.5. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 07

1.6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT : 22,88%

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ/ mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị	Ủy viên HĐQT	4.524.480	12,93%
2	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	2.023.062	5,78%
3	Đỗ Kim Định	Phó chủ tịch HĐQT	328.728	0,94%
4	Phạm Văn Lương	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	389.578	1,11%
5	Trần Xuân Lương	Ủy viên HĐQT	209.000	0,60%
6	Nguyễn Văn Đoàn	Ủy viên HĐQT	161.700	0,46%
7	Vũ Quang Lâm	Ủy viên HĐQT	158.901	0,45%
	Tổng Cộng		7.795.449	22,27%

1.7. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

- Giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc từ năm 2011: Không có
- Những người có liên quan đến các đối tượng nói trên đã giao dịch bán :

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Giao dịch mua	Giao dịch bán	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Thị Hiến	Vợ Thành viên Ban kiểm soát		30.000	10.000

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

2.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn Nhà Nước:

Bảng 09: Thông tin chi tiết về thành viên vốn góp Nhà Nước:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Nghành nghề kinh doanh	Số lượng CP	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Tập đoàn đầu tư phát triển nhà và đô thị	Tòa nhà M5, số 91 Phố Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà nội		4.524.480	12,93%

Tp. Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHẠM QUANG DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Lương

Nguyễn Thị Thúy Vinh

Phạm Thị Nhàn